

**Bài báo nghiên cứu**

**THẢO NGUYÊN TRONG SINH QUYỀN CỦA ĐẤT NƯỚC TRUNG QUỐC:  
TRƯỜNG HỢP TÔ TEM SÓI (KHƯƠNG NHUNG)  
VÀ CHÓ NGAO TÂY TẠNG (VƯƠNG CHÍ QUÂN)**

**Phạm Minh Khánh**

*Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

*Tác giả liên hệ: Phạm Minh Khánh – Email: [khanhpm156@gmail.com](mailto:khanhpm156@gmail.com)*

*Ngày nhận bài: 18-11-2025; Ngày nhận bài sửa: 16-02-2026; Ngày duyệt đăng: 20-02-2026*

**TÓM TẮT**

*Bài viết nghiên cứu vai trò của thảo nguyên trong sinh quyển văn hóa – sinh thái của Trung Quốc thông qua phương pháp nghiên cứu phê bình sinh thái đối với hai tác phẩm: Totem sói (Khương Nhung) và Chó Ngao Tây Tạng (Vương Chí Quân). Kết quả nghiên cứu cho thấy cả Khương Nhung và Vương Chí Quân đều khẳng định thảo nguyên không phải là vùng ngoại vi lạc hậu mà là phần “căn cốt” kiến tạo nên bản sắc Hoa Hạ. Tuy nhiên, hai tác phẩm thể hiện hai quan điểm đối lập: Khương Nhung đề cao “sói tính” (hoang dã, cạnh tranh) như nguồn gốc sức mạnh lịch sử, trong khi Vương Chí Quân đề cao “ngao tính” (trung thành, đạo đức) như hình mẫu lý tưởng của Nho gia. Cuối cùng, bài viết chỉ ra rằng sự thống nhất giữa “trung tâm” (văn minh) và “ngoại vi” (hoang dã) chỉ có thể đạt được thông qua sự hòa giải giữa niềm tin tôn giáo bản địa và tri thức khoa học hiện đại.*

**Từ khóa:** tôn giáo bản địa; thảo nguyên; Chó Ngao Tây Tạng; Totem Sói

**1. Đặt vấn đề**

Về mặt khoa học, sinh quyển là lớp vỏ sự sống của Trái Đất, bao gồm tất cả các sinh vật sống và mối quan hệ tương tác giữa chúng với môi trường thạch quyển, thủy quyển và khí quyển. Tuy nhiên, trong phạm vi nghiên cứu văn học sinh thái, khái niệm này được mở rộng thành một “sinh quyển văn hóa”, nơi các yếu tố tự nhiên, các giá trị tinh thần và tập quán tộc người cùng tồn tại và tác động biện chứng lẫn nhau. Theo cách hiểu này, sinh quyển là sự tổng hòa giữa các yếu tố tự nhiên và nhân tạo tạo nên sự sống bền vững của một quốc gia. Thế nhưng, thực tế lịch sử của Trung Quốc cho thấy những khu vực ngoại vi như thảo nguyên luôn bị đặt bên lề, bị xem là lạc hậu, “man di”, thậm chí là đối trọng với văn minh.

Phản biện lại quan điểm nhị nguyên này, trong tiểu thuyết *Tô tem sói*, được xuất bản vào năm 2004, Khương Nhung cho rằng quan điểm này đã bỏ qua một thực tế lịch sử sâu sắc: sự gắn bó mật thiết giữa khu vực ngoại vi (thảo nguyên) và vùng trung nguyên. Cụ thể,

---

**Cite this article as:** Pham, M. K. (2026). Grasslands in China's Biosphere: Case studies of *Wolf Totem* (Jiang Rong) and *Tibetan Mastiff* (Yang Zhijun). *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 23(2), 306-317. [https://doi.org/10.54607/hcmue.js.23.2.5371\(2026\)](https://doi.org/10.54607/hcmue.js.23.2.5371(2026))

ông nhấn mạnh sự tương tác, xung đột và tiếp biến không ngừng giữa văn hóa Hoa Hạ (trung tâm) và văn hóa du mục (ngoại vi), cho rằng đây chính là động lực tạo nên sự phát triển toàn vẹn của đất nước Trung Quốc. Quan điểm trên của Khương Nhung đã góp phần làm sáng tỏ vị thế của thảo nguyên nhưng cũng gây nhiều tranh cãi.

Năm 2005, tiểu thuyết *Chó ngao Tây Tạng* ra đời như một áng văn phản biện lại các quan điểm của Khương Nhung (đã được phản ánh trong *Tô tem sói*). Cụ thể, nếu Khương Nhung đề cao “sói tính” (hoang dã và tự do) và hạ thấp “cừu tính” (phục tùng, yếu đuối), cũng như cho rằng người Hán cần bổ sung “máu sói” để có thể hùng mạnh thì Vương Chí Quân lại dùng “ngao tính” để đề cao một trật tự khác của thảo nguyên, một trật tự của lòng trung thành và kỉ luật, như một phản biện lại hình mẫu lí tưởng về sói mà Khương Nhung đã tôn sùng.

Dựa trên cuộc đối thoại trong *Tô tem sói* (Khương Nhung) và *Chó ngao Tây Tạng* (Vương Chí Quân), bài viết này đặt ra hai mục tiêu chính. Thứ nhất, làm rõ được vai trò của thảo nguyên trong sinh quyển của đất nước Trung Quốc. Thứ hai, chỉ ra được đối thoại giữa Khương Nhung và Vương Chí Quân về việc đề cao “sói tính” hay “ngao tính”, loài nào mới thật sự đáng để người Trung Quốc học hỏi; cũng như liệu rằng việc đề cao loài vật này mạnh hơn loài vật kia có phù hợp với tư tưởng vạn vật bình đẳng trong hệ sinh thái hay không?

## 2. Giải quyết vấn đề

### 2.1. Mỗi quan hệ người – vật linh trong thảo nguyên

#### 2.1.1. Người – sói và chó ngao qua những truyền thuyết

Ở thảo nguyên Ôlôn, sói đóng vai trò quan trọng trong văn hóa của dân du mục Nội Mông. Sói được nhìn nhận như một người thầy và người mẹ, là tổ tiên của con người. Vì thế, khác với hình tượng sói trong văn hóa đại chúng (sự xấu xa, độc ác, cần phải bài trừ) thì trong văn hóa du mục, loài sói có mối quan hệ mật thiết với con người. Mối quan hệ này được Khương Nhung dựa trên *Chu Thư* và chứng minh như sau:

Chuyện rằng, tổ tiên người Đột Quyết ở Sách quốc, phía Bắc Hung Nô. Bộ lạc này người lớn thì gọi là Abangpu. Trong mười bảy người lớn, có một người tên Doanchiniixutu do sói sinh ra. Các Bangpu đều đàn độn nên mất nước. Chỉ mỗi Nixutu tư chất khác người, biết hú gió gọi mưa. Lấy hai vợ, con gái của thần mùa Hạ và thần mùa Đông, sinh liền bốn trai... Chuyện tuy lạ nhưng đúng họ thuộc giống sói (Khuong, 2020, p.58).

Mối quan hệ huyết thống giữa người và sói còn được củng cố qua huyền thoại về hôn phối. Khương Nhung đã dẫn lại *Chu Thư* và kể rằng con gái Thuyền vu (Hung Nô) được hiến cho trời, nhưng cuối cùng cô em đã “xuống trời làm vợ sói, sinh con. Sau sinh sôi nảy nở thành một nước” (Khuong, 2020, p.17). Bên cạnh đó, sói không chỉ là tổ tiên của con người mà còn là chồng, là đáng bảo hộ như trong truyện Y Tôn vương hiệu Côn mô bị vứt ngoài đồng “được sói cho bú sữa. Thuyền Vu lấy làm lạ, cho là thần, bèn đem về nuôi” (Khuong, 2020, p.17). Thậm chí, ngay cả trong tên gọi của con người cũng mang dấu ấn của sói, như “Jiando Xichna” và “Uthosan Xichna” trong *Sử Tập*, hai tên này đều có nghĩa là “sói đực” và “sói cái”.

Những phân tích trên cho thấy Khương Nhung đã mượn các sử sách như *Chu Thư*, *Sử Tập* để chứng minh một điều rằng sói và người từ xưa đã có mối quan hệ khăng khít gắn bó. Và vì thế mà dân du mục thảo nguyên Olôn ngày nay vẫn ghi nhớ và tôn sùng loài vật này như một vật tổ (Tô tem).

Khác với Khương Nhung, Vương Chí Quân không tìm cách chứng minh dân du mục Tây Tạng là “con cháu” của loài ngao Tạng. Thay vào đó, ông sử dụng huyền thoại để khẳng định mối liên kết tâm linh, một sự luân hồi và bảo trợ thiêng liêng của loài vật này trong mối quan hệ với con người. Thảo nguyên Chia-cu-tây được bao phủ bởi không khí tôn giáo bản địa với tinh thần “vạn vật hữu linh”. Loài ngao Tạng không được nhìn nhận là tổ tiên mà là một phần của vòng luân hồi, có thể tiền kiếp của nó chính là con người hoặc thần linh.

Căng-rư-sân-cơ là ngao Tạng được xây dựng với màu sắc huyền thoại rõ nét. Nó không chỉ là loài vật mà còn được xem là “đại diện cho ý chí của thần linh”. Sức mạnh của nó được giải thích bằng tiền kiếp rằng Căng-rư-sân-cơ kiếp trước chính là sư tử núi tuyết A-ni-ma-chinh đã bảo vệ các sư ở đây. Mối quan hệ tâm linh này còn được thể hiện sâu sắc qua các truyền thống lễ nghi, khi ngao đen Na-rư chết, dân du mục tin tuyệt đối vào sự chuyển thế (đầu thai). Và vì thế mà họ cảm kích tiếng khóc vì nước mắt sẽ khiến linh hồn “không bay được đến phương xa để chuyển thế (đầu thai)!... để linh hồn của Ngao đen Na-rư nhanh chóng thoát khỏi những vắn vương của trần thế bay lên trời trong tiếng tụng kinh và làn khói dầu của quê hương” (Vuong, 2007, p.155). Con người và ngao Tạng ở đây gắn kết với nhau không phải bằng huyết thống mà bằng một hệ thống đức tin phức tạp về nghiệp và tái sinh. Thông qua đó, Vương Chí Quân lí giải vì sao dân du mục Chia-cu-tây lại sùng bái ngao Tạng.

### 2.1.2. Người – sói và chó ngao qua những lớp trầm tích văn hóa

Trong *Tô tem sói*, các lớp trầm tích văn hóa đã cho thấy sự thấm thấu của “sói tính” vào trong đời sống vật chất, tinh thần của dân du mục. Khương Nhung đã dày công luận giải rằng những đặc tính ưu việt của dân du mục thảo nguyên, đặc biệt là tài năng quân sự, đều bắt nguồn từ việc học hỏi và mô phỏng từ loài sói.

Không gian bao la của thảo nguyên Olôn chính là “chiến trường”, nơi diễn ra các cuộc đấu trí và đấu lực không ngừng nghỉ giữa người và sói. Cũng chính quá trình cạnh tranh sinh tồn khốc liệt này đã tôi luyện nên tinh thần chiến đấu của dân du mục. Dựa vào sử sách, Khương Nhung đã nêu ra luận điểm then chốt rằng sự trỗi dậy của Thành Cát Tư Hãn, oanh tạc từ Á sang Âu, không phải ngẫu nhiên. Họ chiến thắng vì xuất thân của họ từ sói và có sự kế thừa binh pháp từ loài vật này “Sói thảo nguyên Mông Cổ đã cho người thảo nguyên tính cách ngoan cường trong chiến đấu, trí tuệ trác việt về chiến tranh và ngựa chiến xuất sắc” (Khuong, 2020, p.337).

Sói không chỉ là đối thủ mà còn là người thầy vĩ đại của kỵ binh Mông Cổ. Khương Nhung đã dựa vào sử sách để làm sáng tỏ luận điểm này. Theo truyền thuyết, Sói đực lông xanh đã dẫn đường cho Uhu Khan “Sau đó, Uhu Khan gặp lại con sói lông xanh bờm xanh,

sói dùng tiếng sói bảo Khan: “Lập tức lên ngựa cùng quân sĩ!” Uhu Khan lập tức lên ngựa. Sói bảo: “Dẫn theo tất cả A khun và dân chúng, thần xin đi trước dẫn đường” (Khuong, 2020, p.90). Bên cạnh đó, Khương Nhung còn phát hiện các binh pháp mà Hoa Hạ sử dụng đều được học từ sói như “biết mình, biết người, binh quý ở thần tốc, ra quân khi địch không ngờ, tiến đánh khi địch chưa kịp chuẩn bị” (Khuong, 2020, p.84) nhưng nghịch lí thay là không một ghi chép nào của người Hán viết về sự truyền thừa này.

Bên cạnh đó, tập tính của loài sói còn len lỏi vào những hành vi nhỏ nhất của con người. Khương Nhung chỉ ra rằng tiếng tru của loài sói rất hữu hiệu để giao tiếp quân sự, bởi nó có một đặc tính là “có thể truyền âm đi rất xa, rất rộng và rất rõ trên thảo nguyên” (Khuong, 2020, p.323). Và dân du mục dựa vào đặc tính này để mô phỏng “tiếng tù lê thê trên chiến trường xưa từng tập hợp bao nhiêu kị binh thảo nguyên, phát lệnh chiến đấu cho biết bao cuộc chiến” (Khuong, 2020, p.324). Thậm chí ngay cả hành vi mang tính tôn giáo như ngẩng mặt lên trời cũng cho thấy sự giống nhau giữa sói và người: “chỉ có sói và người ngửa mặt tru dài hoặc cầu khẩn”. Hành động đó có ý nghĩa là một sự cầu khẩn trong văn hóa của loài sói và dân du mục cũng mô phỏng hành động này khi họ cầu khẩn Tạngcoli.

Trái ngược với thảo nguyên Olôn trong *Tô tem sói*, thảo nguyên Chia-cu-tây lại phủ nhận hoàn toàn vai trò của sói. Vương Chí Quân mô tả sói như một hình ảnh phản diện, là kẻ thù của dân du mục. Và đây chính là cuộc đối thoại gay gắt giữa hai tác phẩm về vật tổ Trung Hoa. Bởi trong mắt dân du mục Tây Tạng, sói là hiện thân cho cái ác, cái xấu xa, cái hèn hạ. Chúng không hề có binh pháp hay chiến thuật gì ngoại trừ mưu mô và xảo quyết, “loài sói mềm nắn rắn buông. Thấy ai yếu là bắt nạt, ai mạnh thì nhún nhường” (Vuong, 2007, p.279).

Khác với góc nhìn của Khương Nhung, Vương Chí Quân đã phát hiện ra một lớp trầm tích hoàn toàn khác biệt tại thảo nguyên Chia-cu-tây: sự bảo hộ sinh tồn do loài ngao Tạng thiết lập. Nếu “binh pháp” của loài sói buộc dân du mục phải tôi luyện bản lĩnh hoang dã, quyết liệt để sinh tồn giữa những cuộc chiến không hồi kết, thì bản năng bảo vệ tinh thần nghĩa hiệp của loài ngao đã định hình nên một lối sống chan hòa, điềm tĩnh, tự tại cho con người nơi đây. Trong cấu trúc xã hội này, ngao Tạng có một vị trí hết sức đặc biệt của một “vệ sĩ” tận tụy. Sứ mệnh của chúng đó chính là bảo vệ đàn gia súc, tài sản và tính mạng dân du mục trước sự tấn công của sói và thú dữ khác trên thảo nguyên: “chúng phải thực thi chức trách giải nguy cho bất kì ai chỉ cần họ đang sinh sống trên thảo nguyên Chia-cu-tây, không kể giàu hay nghèo, không kể người Tây Tạng hay người Hán” (Vuong, 2007, p.87). Chính nhờ “lá chắn thép” này mà vùng đất Chia-cu-tây duy trì được sự an toàn, giúp con người có thể sống ung dung thay vì nom nớp lo sợ. Sự bảo hộ này được minh chứng qua buổi hò hẹn giữa Mây-tô-la-mu và Lý-ni-ma bị ba con báo kim tiền tấn công. Giữa ranh giới sinh tử, sức mạnh áp đảo của ngao Tạng đã hóa giải mối nguy “Ngao Vương hỏ đầu Tuyết Ngao đang cắn xe vật lộn con báo cầm đầu. Mấy con ngao Tạng khác điên cuồng giận dữ vồ vào hai con báo còn lại” (Vuong, 2007, p.91).

Qua lớp trầm tích văn hóa, Khương Nhung và Vương Chí Quân đã vẽ nên hai bản đồ sinh thái – văn hóa khác biệt về thảo nguyên. Sự khác biệt này mang ý nghĩa then chốt đối với toàn bộ luận đề mà Khương Nhung đã nêu. Nó phá vỡ sự thuần nhất về thảo nguyên. Nó chứng minh những vùng ngoại vi như thảo nguyên không phải là một khối đồng nhất, đơn lẻ. Bởi chính sự khác biệt trong văn hóa, tín ngưỡng giữa thảo nguyên Ôlôn và Chia-cu-tây đã cho thấy điều đó, mỗi vùng đều có những cách nhìn nhận khác nhau về vai trò của loài sói. Điều này cho thấy sự đa dạng và phức tạp của chính sinh quyển của đất nước Trung Quốc.

## 2.2. Sự gắn kết giữa sinh thái nông canh và du mục

### 2.2.1. Dấu ấn của văn hóa du mục trong căn cốt của văn hóa Hoa Hạ

*Tô tem sói* hay *Chó ngao Tây Tạng* đều là những tác phẩm tâm căn (truy tìm về nguồn cội của văn hóa dân tộc). Cả hai tác phẩm đều cố gắng định vị lại vai trò của vùng ngoại vi (thảo nguyên) trong mối quan hệ với trung tâm (trung nguyên). Vì thế mà cả Khương Nhung lẫn Vương Chí Quân đều không chấp nhận việc người Hán xem vùng đất này là “man di”, lạc hậu. Thay vào đó họ dùng tác phẩm của mình để nhấn mạnh rằng văn hóa du mục chính là một phần “căn cốt” không thể thiếu, thậm chí là nguồn cội của văn hóa Hoa Hạ. Tuy vậy cách mà họ chứng minh lại hoàn toàn trái ngược nhau, tạo nên một cuộc đối thoại tư tưởng sâu sắc.

Trong *Tô tem sói*, Khương Nhung đã đưa ra một lập thuyết táo bạo, mang tính “giải cấu trúc lịch sử”, tác động mạnh vào lịch sử thâm căn cố đế của văn hóa Hoa Hạ. Ông cho rằng Tô tem rỗng mà người Hán đang thờ phụng có nguồn gốc từ *Tô tem sói* của dân du mục thảo nguyên. Bằng cách so sánh con rỗng Tamtinh Thala (được cho là con rỗng đầu tiên ở Trung Quốc) và Trần Trần chỉ ra rằng nó “không hề giống với con rỗng mà người Trung Quốc quen thuộc mà lại rất giống với loài sói” (Khuong, 2020, p.552). Từ việc đồng nhất rỗng và sói, Khương Nhung tiến tới khẳng định văn hóa Hoa Hạ là sự tiếp biến của văn hóa du mục. Ông lập luận rằng chính người Hán là hậu duệ của dân tộc du mục Tây Bắc. Bằng chứng là Viêm đế, một trong những thủy tổ của Hoa Hạ, vốn “họ Khương, một chi của tộc Khương Tây Nhung, du mục từ phía Tây” (Khuong, 2020, p.497-498).

Bên cạnh đó, dấu ấn du mục còn đọng lại trong chính văn tự và tư duy thẩm mỹ của người Hán. Chữ “mĩ” (đẹp - 美) là sự kết hợp của chữ “đương” (con cừu - 羊) và chữ “đại” (to - 大). Với sự kết hợp trên thì nó có nghĩa là “con cừu to lớn”. Trong văn hóa du mục, một “con cừu lớn” được cho là “đẹp” bởi lẽ nó là biểu tượng cho sự giàu có, nguồn thức ăn, quần áo... Và trong thế giới quan đó, một “con cừu to” là biểu tượng cho những gì tốt đẹp nhất. Khương Nhung đã dùng Hán tự của chính người Hán để bác bỏ ý kiến rằng văn hóa Hoa Hạ chỉ bắt nguồn từ lúa nước và đồng ruộng. Bởi lẽ, nếu văn hóa Hoa Hạ thuần túy là nông nghiệp, cách li hoàn toàn với du mục, có lẽ chữ “đẹp” sẽ liên quan đến “lúa - 禾” hoặc “ruộng - 田”. Bên cạnh đó, việc chữ “đẹp” có gốc rễ là “cừu” trong văn hóa du mục đã chứng minh

rằng ngay cả khi người Hán đã định cư và quen với ruộng đồng thì trong “căn cốt” văn hóa và ngôn ngữ của họ vẫn còn vẹn nguyên dấu ấn của tổ tiên du mục trên thảo nguyên.

Nếu Khương Nhung kết nối thảo nguyên với Hoa Hạ qua nguồn gốc của loài sói thì Vương Chí Quân lại kết nối thảo nguyên với giá trị đạo đức cốt lõi của Hoa Hạ. Qua đó, *Chó ngao Tây Tạng* là một tiểu thuyết đối lập hoàn toàn về tư tưởng. Từ đó tác phẩm tạo nên cuộc đối thoại tư tưởng sâu sắc giữa hai nhà văn.

Ngao Tạng mà Vương Chí Quân xây dựng không phải là các tập tính hoang dã như sói mà Khương Nhung đề cập mà là sự hiện thân của các giá trị Nho giáo. Hình ảnh của ngao Tạng được ví như “bậc quân tử theo tinh thần Nho gia” (Phạm, 2024). Các đức tính của ngao Tạng chính là biểu hiện cao thượng của một người quân tử: Thứ nhất, ngao Tạng là loài vật có lòng trung thành dường như tuyệt đối. Ở thảo nguyên Chia-cu-tây chúng sẵn sàng bảo vệ con người khỏi hiểm nguy chỉ cần người đó sống trên thảo nguyên này. Thứ hai, chúng là những con vật giàu lòng dũng cảm và hi sinh, sẵn sàng vật lộn với kẻ thù để bảo vệ con người. Thứ ba, tinh thần thượng võ là nguyên tắc chiến đấu của loài ngao. Chúng không bao giờ tấn công những con vật yếu thế hơn, chẳng hạn như sói, kẻ thù của chúng duy nhất chỉ có loài gấu ngựa Tạng to xác, mạnh mẽ. Những phẩm chất ấy cho thấy được sự cao thượng của loài vật này, xứng đáng trở thành “lá chắn thép” cho thảo nguyên Chia-cu-tây và được dân du mục tôn thờ. Từ đó, Vương Chí Quân đã ngầm lập luận rằng thảo nguyên Tây Tạng không phải là “ria” văn hóa mà chính là nơi lưu giữ những giá trị đạo đức thuần khiết nhất (Trung, Dũng, Nghĩa, Nhân) mà vùng trung tâm (nông canh) đã dần bị mai một.

Khương Nhung và Vương Chí Quân đã sử dụng hai loài vật đặc trưng của vùng miền là sói và ngao để khẳng định dấu ấn của văn hóa du mục trong căn cốt của văn hóa Hoa Hạ. Với Khương Nhung, “sói tính” chính là nguồn cội tạo nên sức mạnh từ thuở ban sơ của trung nguyên. Ngược lại Vương Chí Quân lại cho rằng “ngao tính” là tấm gương phản chiếu những giá trị đạo đức lí tưởng của Nho gia, vốn là truyền thống triết học trong lịch sử Hoa Hạ. Cả hai đều đặt thảo nguyên vào vị trí trung tâm của sinh quyển văn hóa Trung Quốc để đối thoại. Từ đó, cả hai tác giả khẳng định khu vực trung tâm không thể tồn tại một cách trọn vẹn nếu thiếu đi văn hóa của khu vực ngoại vi.

### 2.2.2. Sự song hành giữa “sói tính” và “cừu tính” trong chân dung tính cách của Hoa Hạ

Khương Nhung sau khi thiết lập mối liên hệ mật thiết giữa thảo nguyên và vùng trung nguyên đã đi đến một kết luận rằng sự mất cân bằng hệ sinh thái và văn hóa trong tính cách dân tộc Hán là do bị quy định bởi lối sống nông canh. Và để trở nên thịnh vượng như thuở ban đầu, người Hán cần đồng thời cân bằng cả hai yếu tố: “sói tính” và “cừu tính”.

Bằng khảo cứu lịch sử, Khương Nhung nhận ra một quy luật mỗi khi vùng trung nguyên trở nên mềm yếu thì Tăng-cơ-li lại cử tộc du mục vào khu vực này để tiến hành tiếp máu. Sự tiếp máu này giúp khu vực trở nên ổn định, đồng thời thể hiện sự cân bằng, thông nhất giữa trung nguyên và thảo nguyên trong lịch sử “Hai dân tộc anh em đã dùng phương

thức đặc thù, cùng nhau sáng tạo nền văn minh xán lạn Trung Hoa, và cũng là sáng tạo kì tích duy nhất trên thế giới” (Khuong, 2020, p.501).

Những thời kì hưng thịnh nhất của Hoa Hạ, theo Khương Nhung, đều là kết quả của sự dung hòa này. Tác giả đã chỉ ra hai thời kì phát triển nhất chính là thời kì Viêm Hoàng và thời nhà Tây Chu. Cụ thể, vào thời Viêm Hoàng, bộ tộc này bắt đầu lối sống nửa chăn nuôi và nửa trồng trọt do vậy họ vừa có cả tính cách dũng mãnh trong chiến đấu (sói tính) lẫn điều kiện sản xuất yên ổn (cừu tính). Điều này đã tạo ra năng lượng to lớn trong xã hội. Tương tự, đối với thời nhà Tây Chu, Khương Nhung cho rằng sự kết hợp giữa “sói và cừu”, “nửa dã man và nửa văn minh” đã nảy sinh ra nhiều bậc thánh hiền như: Chu Văn vương, Chu Vũ vương và Chu Công.

Từ việc đưa ra chứng cứ lịch sử, Khương Nhung kết luận “sự phát triển và duy trì nền văn minh Trung Hoa cổ đại phải dựa vào sự tiếp máu định kì... của dân tộc du mục” (Khuong, 2020, p.507). Ông cho rằng chính tính cách ương hèn của nông canh là nguồn cơn đẩy đất nước đi xuống. Vì thế, tinh thần du mục mới chính là xương sống của toàn bộ dân tộc Trung Hoa. “Đơn thuốc” mà ông kê cho Trung Quốc đương đại chính là phải đạt được sự cân bằng, thậm chí “sói tính” có nhỉnh hơn một chút thì mới có thể tiến tới dân giàu và nước mạnh.

Chính sự đề cao “sói tính” một cách cực đoan như vậy đã khiến Khương Nhung vấp phải nhiều chỉ trích. Vương Chí Quân trong *Chó ngao Tây Tạng* đã đối thoại lại với quan điểm của Khương Nhung rằng sói chính là loài nham hiểm, cần phải lên án chứ không phải để con người học tập: “Chúng ta cần có ngao Tạng làm bầu bạn sống cuộc sống ung dung tự tại, chứ không cần sống trong môi trường với bầy sói luôn nhe nanh hàm hè, khiến ta phải lo sợ suốt ngày” (Vuong, 2007, p.14). Bên cạnh đối thoại giữa các nhà văn, các nghiên cứu cũng cho rằng Khương Nhung đang “khơi gợi và đang tạo nên một hiệu ứng cực đoan trong xã hội Trung Quốc: sự trỗi dậy của tư tưởng đại Hán và chủ nghĩa phát-xít” (Nguyen, 2019a).

Và chúng tôi cũng đồng tình với các nghiên cứu đi trước rằng Khương Nhung đã mượn câu chuyện về sinh thái để nói đến tinh thần dân tộc. Và điều này có phần cực đoan. Bởi lẽ, phê bình sinh thái là “sự chất vấn tư tưởng đặt con người ở vị trí trung tâm (anthropocentrism)” (Hoang, 2017). Nguyên tắc này hướng đến sự hài hòa và thống nhất giữa các sinh vật trong chính thể sinh thái. Điều đó đồng nghĩa rằng không loài vật nào được phán xét là mạnh hơn hay yếu hơn, mỗi sinh vật đều có vai trò riêng trong hệ sinh thái. Việc Khương Nhung đề cao một cách cực đoan về loài sói đã vô tình phá vỡ nguyên tắc này. Dường như ông đang muốn xóa bỏ cực đoan cũ (lấy con người làm trung tâm) và xây dựng một cực đoan mới (sói làm trung tâm).

### **2.3. Mối quan hệ giữa văn minh và hoang dã**

#### **2.3.1. Hệ sinh thái thảo nguyên trước sự tận diệt của văn minh và hệ quả của nó**

Thảo nguyên là một hệ sinh thái hoàn chỉnh, nơi yếu tố tự nhiên và tinh thần tương tác biện chứng. Trong Tô tem sói, thảo nguyên Ôlôn vận hành theo quy luật sinh tồn khắc khe nhưng hài hòa. Trong đó, sói đóng vai trò thiên địch trọng yếu giúp duy trì hệ sinh thái thảo

nguyên: “sói là do trời sai xuống bảo vệ đồng cỏ, sói không còn thì thảo nguyên cũng không còn” (Khuong, 2020, p.105). Dân du mục thiết lập lối sống tôn trọng vạn vật với triết lý “thiên – thú – thảo – nhân – hợp – nhất”, xem vạn vật sống đều bình đẳng. Tư tưởng này tương đồng với luân lý học sinh viên của Albert Schweitzer: “Con người và các sinh mệnh trong tự nhiên có mối quan hệ mật thiết. Vì thế con người không chỉ vì sự sống của mình mà bắt chước các sinh mệnh khác” (Nguyen, 2019b).

Tương tự, tại Chia-cu-tây trong *Chó ngao Tây Tạng*, vạn vật cũng gắn kết chặt chẽ. Ngao Tạng không chỉ là vật nuôi giúp bảo vệ tài sản mà còn được tôn sùng như một sinh thể dũng mãnh. Vị thế của chúng hòa quyện sâu sắc vào đời sống tâm linh của dân du mục qua kiêng kỵ nghiêm ngặt “không được đánh chó của dân cũng như không được đánh những con chó hoang, vì chó là hình bóng của người” (Vuong, 2007, p.49).

Tuy nhiên, sự tách rời giữa trung tâm và ngoại vi là một quá trình lịch sử lâu đời. Điều đó đã dẫn đến sự tận diệt của vùng trung tâm (văn minh) đối với ngoại vi (thảo nguyên). Bởi lẽ, người Hán dường như không nắm được “trí tuệ sinh tồn” của dân du mục trên thảo nguyên. Họ không trân trọng mà chỉ xem nơi đây là một nguồn tài nguyên cần được khai thác.

*Tô tem sói* đã phản ánh một cuộc tận diệt thảo nguyên toàn diện, được thúc đẩy bởi cả “tính tham lam” của mỗi cá nhân, chủ trương và chính sách sai lầm của người Hán. Trong mắt họ, thảo nguyên là một kho di sản phong phú cần được khai thác chứ không phải cần được bảo tồn. Sự tận diệt này được tổ chức quy mô và hậu thuẫn bởi những người có địa vị như Bao Thuận Quý. Ông ta đại diện cho tư tưởng “nhân loại trung tâm”, xem sói là tai họa “Tôi cũng cần tuyên bố với thiên hạ, rằng cán bộ và mục dân Ôlôn, và cả thanh niên trí thức nữa, không một ai chịu cúi đầu trước tai họa do sói gây ra” (Khuong, 2020, p.168). Một trong những luật lệ của thảo nguyên đó chính là cấm đốt lửa. Bao Thuận Quý đã phớt lờ đi quy tắc này mà phát lửa trên diện rộng “Toàn đội bao vây bãi lau rồi đánh bằng hỏa công, đốt lửa, đuổi sói chạy ra rồi hạ thủ bằng súng” (Khuong, 2020, p.171). Bên cạnh hành vi diệt sói, sự xuất hiện của người Hán tại thảo nguyên Ôlôn còn tàn phá cả cảnh quan nơi đây. Những chiếc lều Mông Cổ nay bị thay thế bằng những dãy nhà đất mà Khuong Nhung gọi “chẳng khác về thêm mấy cái chuông lợn trên tấm phông của vở kịch Hồ Thiên Nga” (Khuong, 2020, p.302).

Ngược lại với *Tô tem sói*, sự tận diệt trong *Chó ngao Tây Tạng* phản ánh một bộ phận trí thức người Hán thiếu hiểu biết. Đại diện là Lý-ni-ma, hẳn là kẻ thù của loài ngao Tạng. Bởi tiếng súng của hắn đã đẩy lên một cuộc trả thù của loài ngao: “chẳng lẽ Ngao đực Thiết Bao Kim của chúng ta phải chết một cách oan uổng thế này sao? [...] Ta chưa làm tròn sứ mệnh thiêng liêng để báo thù cho anh, ta phải nói với anh sao đây?” (Vuong, 2007, p.451). Bên cạnh đó, hành vi đối xử tàn bạo đối với ngao Tạng còn được phản ánh qua nhân vật người tiền ma Ta-chur. Cụ thể, để thực hiện âm mưu trả thù của mình, hắn đã nuôi một con ngao Tạng có tên là Âm Huyết vương Tan-xiang La-sát. Khi nó còn nhỏ, hắn đã dùng những đòn roi để tra tấn, dần dà nó không còn là một vật yêu quý và ra sức bảo vệ con người thảo nguyên như tổ tiên của nó nữa mà trở thành kẻ máu lạnh, một sát thủ của thảo nguyên Chia-

cu-tây: “Ta-chư đã tích tụ toàn bộ thù hận vào người nó. Vì vậy thấy ai nó cũng căm” (Vuong, 2007, p.507)

Vương Chí Quân và Khương Nhung đều sử dụng hình tượng động vật để định vị và mô tả các đặc điểm khu vực ngoại vi. Cả hai tác phẩm đều cho thấy trung tâm của Trung Quốc vẫn là khu vực chính thống, xương sống của đất nước; khu vực ngoại vi vẫn là phi chính thống, man di, lạc hậu. Chính định kiến này đã hợp thức hóa cho việc can thiệp thô bạo từ trung tâm vào khu vực thảo nguyên, đẩy mối quan hệ giữa hai khu vực vào tình thế đối đầu gay gắt. Từ đó tác phẩm đặt ra bài toán khó về việc làm thế nào để hòa giải giữa văn minh và hoang dã, đây là một câu hỏi vẫn luôn chờ một đáp án thỏa đáng.

Hậu quả của sự can thiệp thô bạo từ con người đã đẩy cả hai thảo nguyên vào bi kịch sinh thái. Trong Tô tem sói, sự tận diệt của nền văn minh nông canh đã biến hệ sinh thái Ôlôn phong phú thành một không gian hoang tàn. Thảo nguyên tươi đẹp nay chỉ còn là hoài niệm xót xa: “Đồng cỏ mùa đông rộng và hoang vắng như sa mạc, chỉ bầu trời vẫn xanh biếc như mùa thu” (Khuong, 2020, p.463).

Tương tự, tại thảo nguyên Chia-cu-tây trong Chó ngao Tây Tạng, sự sụp đổ bắt nguồn từ những cuộc chiến quyền lực đẫm máu giữa các bộ lạc. Mối thù truyền kiếp này không chỉ dẫn đến cái chết của ngao vương, sự thanh trừng và tự sát tập thể của đàn ngao để tránh ôn dịch, mà còn chôn vùi cả một nền văn minh du mục “...không còn bầy chó lãnh địa nữa. Trên thảo nguyên Chia-cu-tây, những đàn chó lãnh địa chạy nhảy tung tăng [...] đã nhanh như vậy bị gió và làn khói của máy và nước mắt, thổi vào cái hồ to lớn của lịch sử mà chỉ dựa vào đảo bới mới lóe ra được chút ánh sáng” (Vuong, 2007, p.582).

Cả hai tác phẩm đều gióng lên hồi chuông cảnh báo khẩn thiết rằng chính sự áp đặt và hận thù của con người đã trực tiếp dẫn đến sự diệt vong của các loài vật linh và đẩy những vùng đất tươi đẹp vào cảnh hoang tàn.

### 2.3.2. Tôn giáo bản địa như một cách hoà giải giữa văn minh và hoang dã

Mối quan hệ đầy căng thẳng giữa văn minh và hoang dã được cả Khương Nhung và Vương Chí Quân đi tìm lời giải đáp. Một trong những “liệu pháp” tinh thần để có thể hóa giải xung đột này chính là: niềm tin tôn giáo bản địa. Tuy nhiên trong phạm vi nghiên cứu này, “tôn giáo bản địa” cần được hiểu theo nghĩa rộng, khái niệm này bao gồm cả tín ngưỡng bản địa thờ tô tem và Tăng-cơ-li (*Tô tem sói*) và tôn giáo Phật giáo với thuyết luân hồi và nghiệp báo (*Chó ngao Tây Tạng*). Dù chúng có khác biệt nhưng cả hai đều có một điểm chung cốt lõi đó là “điều tiết đạo đức” của con người, buộc chúng ta phải hạ cái tôi ngạo mạn xuống để ứng xử hài hòa với tự nhiên.

Đối với hai nhà văn, sự khủng hoảng sinh thái không chỉ là vấn đề kỹ thuật hay quản lí mà thực chất là một cuộc khủng hoảng về mặt tâm linh và đạo đức. Chính sự thiếu hụt những giá trị của tôn giáo bản địa này đã khiến con người hiện đại mất đi năng lực cảm nhận và khả năng ứng xử hài hòa với tự nhiên.

Trong *Tô tem sói*, hành trình nhận thức của Trần Trận đi từ sự thù ghét đến việc thấu hiểu tôn giáo bản địa, qua đó lên án tầm nhìn hạn hẹp của tư duy nông canh. Tuy nhiên, bị kịch sinh thái lại nở ra từ chính tình yêu thương vị kỉ, mang tính áp đặt của người Hán khi anh quyết định nuôi sói con, một hành động trái với luật lệ của thảo nguyên. Và chính hành động này đã đẩy sói con vào bờ vực của cái chết “Nó cứng rắn cho đến phút cuối như sói thảo nguyên Mông Cổ chân chính” (Khuong, 2020, p.474). Từ đó cho thấy, sự áp đặt tình cảm một cách thiếu hiểu biết chỉ mang lại sự hủy diệt. Con người chỉ có thể thiết lập sự hài hòa khi biết tôn trọng trí tuệ sinh thái bản địa.

Bi kịch của Trần Trận bắt nguồn từ sự đứt gãy tinh thần giữa anh và vùng đất thảo nguyên, khi anh phớt lờ lời cảnh báo của ông Pilich để chạy theo cái tôi vị kỉ. Sai lầm này của anh chính là minh chứng cho những đúc kết của sinh thái học tinh thần, khi con người vẫn minh thường quên mất những lời răn dạy từ tiếng nói bản địa:

Theo truyền thống, người dân bản địa đã xem Trái đất là bối cảnh tinh thần trung tâm... Đó là thái độ và cách thức sống bắt nguồn từ đất đai và gắn bó với nơi chốn. Sinh thái học tinh thần hướng chúng ta coi trọng con người có truyền thống này để hiểu được căn nguyên của cuộc khủng hoảng sinh thái và khủng hoảng tinh thần hiện nay. (Nguyen, 2017)

Khoảnh khắc chiếc xẻng hạ xuống để giải thoát cho sói con cũng là lúc con người vị kỉ trong Trần Trận nhường cho con người biết tôn trọng sự sống hoang dã được tái sinh. Nhờ vậy, anh mới thực sự tìm thấy sự an nhiên và tin rằng bản thân đã gặp *tô tem sói* thực sự.

Trái ngược với hành trình lí trí của Trần Trận, Vương Chí Quân không để cho các nhân vật trong *Chó ngao Tây Tạng* phải thông qua hoạt động nghiên cứu khoa học thì mới có thể thức tỉnh niềm tin tôn giáo. Ở họ, tình yêu thương loài vật và sự tôn trọng văn hóa bản địa dường như đã được khắc sâu trong ý thức. Cụ thể, Hán cha-xi, một người Hán, vì tình yêu thương loài vật mà anh sẵn sàng xả thân để cứu con ngao Căng-rư-sân-cơ. Dường như giữa anh và ngao Tạng vốn đã có một sợi dây liên kết thần bí: “Nhưng ông vẫn đi, lòng thương cảm đã thắng sự sợ hãi nhút nhát. Hoặc giả là cha tôi bẩm sinh đã có những mối liên hệ thần bí với động vật, đặc biệt là với Ngao Tạng” (Vuong, 2007, p.50). Thậm chí, ngay khi bị ngao đen Na-rư tấn công, anh vẫn yêu thương và mong muốn cảm hóa nó: “Trời sinh ra cha tôi là người rất yêu quý động vật, đặc biệt là chó. Ông không thể báo thù một con chó như báo thù một con người” (Vuong, 2007, p.73).

Bên cạnh Hán cha-xi, Bạch chủ nhiệm từ một người gai góc, không thích ngao Tạng nhưng trải qua thời gian dài sinh sống tại thảo nguyên thì anh đã thay đổi và sẵn sàng hy sinh chỉ để cứu loài vật này: “Còn một câu chuyện đẹp và cảm động cũng lan truyền khắp thảo nguyên bao la, tức Bạch chủ nhiệm dùng tính mạng của mình chặn viên đạn thù hận, bảo vệ Mạch chính ủy và Ngao Vương Căng-rư-sân-cơ” (Vuong, 2007, p.546). Từ đó, *Chó ngao Tây Tạng* của Vương Chí Quân đã cho thấy chính niềm tin tôn giáo bản địa đã giúp những người Hán như Hán cha-xi và Bạch chủ nhiệm có cách ứng xử đúng đắn với tự nhiên.

Tuy nhiên, Vương Chí Quân không dừng lại ở việc lãng mạn hóa tôn giáo bản địa. Tác phẩm *Chó Ngao Tây Tạng* còn đặt ra một vấn đề mang tính biện chứng: để ứng xử đúng đắn

và hiệu quả nhất với tự nhiên, minh triết của mục dân cần được bổ sung bởi tri thức khoa học của người Hán. Tôn giáo mang lại đạo đức sinh thái, nhưng khoa học mang lại phương pháp bảo tồn sự sống.

Luận điểm này được thể hiện sắc nét qua tình huống cứu sống ngao Tạng Na-rư. Khi con vật đập đầu vào tượng đá tự sát, cộng đồng mục dân với niềm tin tôn giáo tuyệt đối đã cho rằng nó đã chết và cần không gian yên tĩnh để linh hồn siêu thoát. Ngược lại, nhân vật Hán cha-xi, đại diện cho tư duy thực chứng, đã nhận định tình trạng sinh học của con vật và quyết liệt can thiệp. “Ông nằm xẹp xuống đất, hít một hơi thật sâu, dùng mồm mình hà hơi vào mồm con Na-rư... tin rằng Na-rư sẽ khá lên” (Vuong, 2007, p.157). Hành động hô hấp nhân tạo đã cứu sống sinh vật mà các nghi thức tôn giáo truyền thống đã chấp nhận buông bỏ.

Chi tiết này gợi mở một mô hình lí tưởng cho mối quan hệ giữa văn minh và hoang dã: sự thống nhất và bổ trợ lẫn nhau. Tôn giáo bản địa giúp thu hẹp khoảng cách tâm linh giữa con người và vạn vật, xóa bỏ tư duy đối địch. Trong khi đó, khoa học kĩ thuật cung cấp các công cụ thiết thực để bảo vệ và duy trì sự sống đó.

Trong bối cảnh hiện đại, sự khủng hoảng sinh thái dẫn đến sa mạc hóa ở các vùng ngoại vi, phần lớn xuất phát từ việc nền văn minh trung tâm đã “khước từ những văn hóa lâu đời”, chỉ chú trọng phát triển mà thiếu đi nền tảng đạo đức tâm linh. Do đó, *Tô tem sói* và *Chó ngao Tây Tạng* đều đi đến khẳng định: Tôn giáo và Khoa học, cũng như Hoang dã và Văn minh, là những cặp phạm trù phụ thuộc lẫn nhau. Bảo vệ môi trường sống của Trung Quốc không chỉ là nhiệm vụ của kĩ thuật, mà là quá trình tìm kiếm sự hòa hợp giữa tri thức hiện đại và minh triết cổ xưa.

### 3. Kết luận

Qua khảo sát *Tô tem sói* và *Chó ngao Tây Tạng*, bài viết khẳng định thảo nguyên không phải vùng ngoại vi lạc hậu, mà chính là “vùng đệm sinh thái” và “cội nguồn văn hóa” cốt lõi định hình nên nền văn minh Hoa Hạ. Từ nền tảng này, hai tác phẩm đã mở ra cuộc đối thoại sâu sắc về hệ giá trị cho Trung Quốc hiện đại: Khương Nhung mượn “sói tính” (cạnh tranh, hoang dã) để vực dậy nền nông canh trĩ trệ, trong khi Vương Chí Quân dùng “ngao tính” (kỷ luật, đạo đức) nhằm chấn chỉnh xã hội kim tiền suy đồi. Dù đối lập về lí tưởng, cả hai nhà văn đều thống nhất ở lời giải cho cuộc khủng hoảng sinh thái hiện nay. Cụ thể, sự áp đặt thô bạo của văn minh hay việc cực đoan hóa hoang dã đều dẫn đến ngõ cụt. Thay vào đó, sự cân bằng sinh quyền chỉ được tái thiết thông qua việc hòa giải biện chứng, kết hợp sự tôn trọng minh triết bản địa (đạo đức sinh thái) với tri thức khoa học hiện đại (phương pháp bảo tồn). Thảo nguyên, do đó, không đơn thuần là không gian địa lí mà vĩnh viễn là phần máu thịt không thể tách rời trong cơ thể sống của Trung Quốc.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Hoang, T. M. (2017). *Phê bình sinh thái là gì? [What is Ecocriticism?]*. Writers' Association Publishing House.
- Khuong, N. (2020). *Tô tem sói [Wolf totem]*. People's Public Security Publishing House.
- Nguyen, T. T. T. (2017). Sinh thái học tinh thần và những gợi dẫn cho nghiên cứu văn chương [Spiritual Ecology and Its Implications for Literary Studies]. *Ecocriticism Local and Global Voices* (pp. 68–88). Publisher Social Sciences.
- Nguyen, T. T. T. (2019a). Bộ ba tiểu thuyết động vật của Trung Quốc: Tô tem sói (Khuong Nhung), Chó ngao Tây Tạng (Vương Chí Quân) và Hồ Trung Quốc (Lý Khắc Uy) từ góc nhìn so sánh [The Chinese animal novel trilogy: Wolf Totem (Jiang Rong), Tibetan Mastiff (Yang Zhijun) and Chinese Tiger (Li Kewei) from a comparative perspective]. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 14(11), 47. [https://doi.org/10.54607/hcmue.js.14.11.323\(2017\)](https://doi.org/10.54607/hcmue.js.14.11.323(2017))
- Nguyen, T. T. T. (2019b). *Rừng khô, suối cạn, biển độc... và văn chương [Dry forests, dry streams, toxic seas... and Literature]*. Social Sciences Publishing house.
- Pham, M. K. (2024). *Sinh thái thảo nguyên trong Tô tem sói (Khuong Nhung) và Chó ngao Tây Tạng (Vương Chí Quân) [Steppe ecology in Wolf totem (Jiang Rong) and Tibetan Mastiff (Yang Zhijun)]*, [Student scientific research project, Ho Chi Minh City University of Education].
- Vuong, C. Q. (2007). *Chó ngao Tây Tạng [Tibetan Mastiff]*. Culture-Information Publishing House.

**GRASSLANDS IN CHINA'S BIOSPHERE:**

**CASE STUDIES OF WOLF TOTEM (JIANG RONG) AND TIBETAN MASTIFF (YANG ZHIJUN)**

**Pham Minh Khanh**

*Ho Chi Minh City University of Education, Vietnam*

*Corresponding author: Pham Minh Khanh – Email: kxanhpm156@gmail.com*

*Received: November 18, 2025; Revised: February 16, 2026; Accepted: February 20, 2026*

**ABSTRACT**

*This study investigates the role of the steppe within China's cultural-ecological biosphere employing an ecocritical approach to two works: Wolf Totem (Jiang Rong) and Tibetan Mastiff (Yang Zhijun). The findings indicate that both Jiang Rong and Yang Zhijun assert that the steppe is not a backward periphery, but rather the “core foundation” shaping the Hua Xia identity. However, the works present contrasting perspectives: Jiang Rong exalts “wolf nature” (wildness, competitiveness) as the source of historical vitality, whereas Yang Zhijun upholds “mastiff nature” (loyalty, morality) as the Confucian ideal. Ultimately, the article concludes that unity between the “center” (civilization) and the “periphery” (wilderness) can only be achieved through the reconciliation of indigenous religious beliefs and modern scientific knowledge.*

**Keywords:** indigenous religion; steppe; Tibetan Mastiff; Wolf Totem